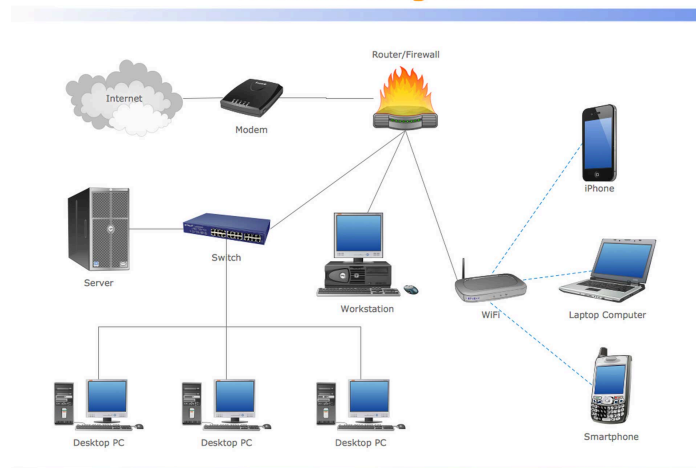


Hálózati Alapismeretek Összefoglaló / Tóm tắt kiến thức cơ bản về mạng

Network Diagram



Számítógépes hálózat felépítése / Cấu trúc của một mạng máy tính

A hálózat egymással összeköttetésben álló számítógépek rendszere. A hálózat kiterjedése alapján megkülönböztetünk helyi hálózatot (**LAN**), amely egy épületen belül működik, és kiterjedt hálózatot (**WAN**), amely városokat vagy országokat köt össze. Az Internet a világ legnagyobb WAN hálózata.

Mạng máy tính là một hệ thống các máy tính được kết nối với nhau. Dựa trên phạm vi của mạng, chúng ta phân biệt giữa mạng cục bộ (**LAN**), hoạt động trong một tòa nhà và mạng diện rộng (**WAN**), kết nối các thành phố hoặc quốc gia. Internet là mạng WAN lớn nhất thế giới.

Fontos eszközök / Các thiết bị quan trọng

Router (Útválasztó): Összeköti a különböző hálózatokat és irányítja az adatforgalmat.

Bộ định tuyến (Router): Kết nối các mạng khác nhau và điều phối lưu lượng dữ liệu.

Switch (Kapcsoló): Egy hálózaton belül kapcsolja össze az eszközöket.

Bộ chuyển mạch (Switch): Kết nối các thiết bị trong cùng một mạng.

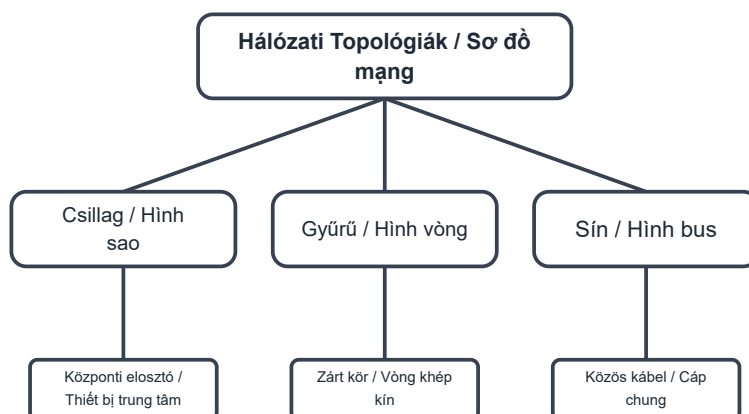
A hálózaton belüli kommunikációhoz minden eszköznek szüksége van egy egyedi azonosítóra, amelyet **IP-címnek** nevezünk. Ez biztosítja, hogy az adatok pontosan a célba érjenek, hasonlóan a postai lakcímhez.

Để giao tiếp trong mạng, mỗi thiết bị cần một mã định danh duy nhất được gọi là **địa chỉ IP**. Điều này đảm bảo rằng dữ liệu đến đúng đích, tương tự như địa chỉ bưu điện.

Protokollok / Các giao thức	
HTTP / HTTPS	Weboldalak továbbítására szolgáló szabályrendszer. Quy tắc truyền tải các trang web.
DNS	A webneveket (pl. google.hu) IP-címekre fordítja. Dịch tên miền (ví dụ: google.hu) sang địa chỉ IP.

Az adatátvitel történhet vezetéken (például a rendkívül gyors **optikai kábel**en) vagy vezeték nélkül (rádiójelekkel, mint a Wi-Fi). A számítógépek fizikai elrendezését a hálózatban **topológiának** nevezzük (pl. csillag vagy gyűrű).

Truyền dữ liệu có thể thông qua dây dẫn (ví dụ: **cáp quang** cực nhanh) hoặc không dây (bằng tín hiệu vô tuyến như Wi-Fi). Cách sắp xếp vật lý của các máy tính trong mạng được gọi là **sơ đồ mạng/tổng thể** (ví dụ: hình sao hoặc hình vòng).



Alapvető hálózati elrendezések / Các kiểu bố trí mạng cơ bản

Név: _____ Dátum: _____

20 Feladatkártya: Hálózati Alapismeretek / 20 Thẻ bài tập: Kiến thức cơ bản về mạng

Vágd ki a kártyákat a vonalak mentén! Oldd meg a feladatokat a füzetedben.

Cắt các thẻ dọc theo đường kẻ! Hoàn thành các bài tập vào vở của bạn.



<p>1. Kártya / Thê 1</p> <p>Mi a hálózat egyszerű meghatározása? Định nghĩa đơn giản về mạng là gì?</p>	<p>2. Kártya / Thê 2</p> <p>Mi a különbség a feltöltési és a letöltési sebesség között? Sự khác biệt giữa tốc độ tải lên và tải xuống là gì?</p>
<p>3. Kártya / Thê 3</p> <p>Mi az az IP-cím, és mi a szerepe? Địa chỉ IP là gì và vai trò của nó là gì?</p>	<p>4. Kártya / Thê 4</p> <p>Milyen eszközt használunk a hálózati jel szétosztására? Thiết bị nào được sử dụng để phân phối tín hiệu mạng?</p>
<p>5. Kártya / Thê 5</p> <p>Az alábbi URL-ben melyik rész a protokoll? http://www.oktatas.hu Trong URL dưới đây, phần nào là giao thức?</p>	<p>6. Kártya / Thê 6</p> <p>Mit jelent a weboldal címének végén a .hu végződés? Phần đuôi .hu ở cuối địa chỉ trang web có nghĩa là gì?</p>
<p>7. Kártya / Thê 7</p> <p>Sorolj fel 4 alapvető hálózati topológiát! Liệt kê 4 sơ đồ mạng (topologies) cơ bản!</p>	<p>8. Kártya / Thê 8</p> <p>Melyik átviteli közeg a leggyorsabb: a koaxiális kábel vagy az optikai kábel? Phương tiện truyền dẫn nào nhanh nhất: cáp đồng trục hay cáp quang?</p>
<p>9. Kártya / Thê 9</p> <p>Mi a különbség a nyílt és a zárt hálózat között? Sự khác biệt giữa mạng mở và mạng đóng là gì?</p>	<p>10. Kártya / Thê 10</p> <p>Mit jelent a böngésző kifejezés, és mire használjuk? Thuật ngữ trình duyệt có nghĩa là gì và chúng ta sử dụng nó để làm gì?</p>

<p>11. Kártya / Thê 11</p> <p>Melyik rövidítés jelöli a városi hálózatot?</p> <p>A) LAN B) WAN C) MAN</p> <p>Từ viết tắt nào chỉ mạng đô thị?</p>	<p>12. Kártya / Thê 12</p> <p>Az internetes címekben minek a rövidítése a www?</p> <p>Trong địa chỉ internet, www là viết tắt của từ gì?</p>
<p>13. Kártya / Thê 13</p> <p>Milyen típusú intézményt jelöl a .edu végződés?</p> <p>Đuôi .edu chỉ loại hình tổ chức nào?</p>	<p>14. Kártya / Thê 14</p> <p>Sorolj fel kétféle vezeték nélküli adatátviteli módot!</p> <p>Liệt kê hai phương thức truyền dữ liệu không dây!</p>
<p>15. Kártya / Thê 15</p> <p>Az alábbi URL-ben melyik a szervernév? <code>https://www.google.hu</code></p> <p>Trong URL dưới đây, đâu là tên máy chủ?</p>	<p>16. Kártya / Thê 16</p> <p>Igaz vagy hamis? Az Internet több hálózat összekapcsolódása.</p> <p>Đúng hay sai? Internet là sự kết nối của nhiều mạng lưới.</p>
<p>17. Kártya / Thê 17</p> <p>Mit jelent a .gov végződés?</p> <p>Đuôi .gov có nghĩa là gì?</p>	<p>18. Kártya / Thê 18</p> <p>Melyik ország országkódja a .de?</p> <p>.de là mã quốc gia của nước nào?</p>
<p>19. Kártya / Thê 19</p> <p>Rajzold le a csillag topológiát!</p> <p>Hãy vẽ sơ đồ mạng hình sao!</p>	<p>20. Kártya / Thê 20</p> <p>Milyen szervezetet jelöl a .org végződés?</p> <p>Đuôi .org chỉ loại tổ chức nào?</p>

Válaszkulcs / Đáp án

1.	Egymáshoz csatlakoztatott számítógépek rendszere. / Hệ thống các máy tính kết nối với nhau.
2.	Letöltés: adatok fogadása; Feltöltés: adatok küldése. / Tải xuống: nhận dữ liệu; Tải lên: gửi dữ liệu.
3.	Egyedi azonosító az eszközöknek a hálózaton. / Mã định danh duy nhất cho các thiết bị trên mạng.
4.	Router (útválasztó) vagy Switch (kapcsoló). / Bộ định tuyến (Router) hoặc Bộ chuyển mạch (Switch).
5.	http://
6.	Magyarországi szerver (országkód). / Máy chủ tại Hungary (mã quốc gia).
7.	Csillag, gyűrű, sín, fa. / Hình sao, hình vòng, hình tuyến, hình cây.
8.	Optikai kábel. / Cáp quang.
9.	Nyílt: bárki elérheti; Zárt: csak jogosultak. / Mở: ai cũng có thể truy cập; Đóng: chỉ những người được phép.
10.	Program weboldalak megtekintéséhez. / Chương trình để xem các trang web.
11.	C) MAN
12.	World Wide Web (Világháló).
13.	Oktatási intézmény (pl. egyetem). / Tổ chức giáo dục (ví dụ: trường đại học).
14.	Rádiójel, infravörös, lézer. / Sóng vô tuyến, hồng ngoại, laser.
15.	www.google.hu

16.	Igaz. / Đúng.
17.	Kormányzati intézmény (government). / Tổ chức chính phủ.
18.	Németország. / Đức.
19.	Központi eszközhöz kapcsolódik minden gép. / Tất cả các máy kết nối với một thiết bị trung tâm.
20.	Nonprofit szervezet (organization). / Tổ chức phi lợi nhuận.

Válaszkulcs a hálózati feladatkártyákhoz / Đáp án cho các thẻ bài tập về mạng

Az alábbiakban található a 20 feladatkártya helyes válaszai magyar és vietnámi nyelven.

Dưới đây là đáp án đúng cho 20 thẻ bài tập bằng tiếng Hungary và tiếng Việt.

#	Válasz / Đáp án
1.	Egymáshoz csatlakoztatott számítógépek rendszere. (Hệ thống các máy tính được kết nối với nhau.)
2.	A letöltés az adatok fogadása az internetről, a feltöltés pedig az adatok küldése a saját eszközünkről. (Tải xuống là nhận dữ liệu từ internet, còn tải lên là gửi dữ liệu từ thiết bị của chính mình.)
3.	A hálózathoz csatlakozó eszközök egyedi azonosítója, amely biztosítja, hogy az adatok a pontos célállomásra érkezenek. (Mã định danh duy nhất của các thiết bị kết nối vào mạng, giúp đảm bảo dữ liệu đến đúng đích.)
4.	Router (útválasztó) vagy switch (kapcsoló). (Bộ định tuyến (Router) hoặc bộ chuyển mạch (Switch).)
5.	http:// (http://)
6.	Magyarországi szerver (országkód). (Máy chủ tại Hungary (mã quốc gia).)
7.	Csillag, gyűrű, fa, sín. (Hình sao, hình vòng, hình cây, hình bus.)
8.	Optikai kábel. (Cáp quang.)

9.	A nyitott rendszer mindenki számára elérhető, a zárt rendszer csak az arra jogosultaknak. (Hệ thống mở dành cho tất cả mọi người, hệ thống đóng chỉ dành cho những người có thẩm quyền.)
10.	Böngészőprogram az internetes tartalmak megtekintéséhez. (Trình duyệt dùng để xem các nội dung trên internet.)
11.	MAN (Metropolitan Area Network). (MAN (Mạng đô thị).)
12.	Világháló (World Wide Web). (Mạng lưới toàn cầu (World Wide Web).)
13.	Oktatási intézmények (pl. egyetemek). (Các tổ chức giáo dục (ví dụ: trường đại học).)
14.	Rádióhullám, infravörös vagy lézer. (Sóng vô tuyến, hồng ngoại hoặc tia laser.)
15.	www.google.hu (www.google.hu)
16.	Igaz. (Đúng.)
17.	Kormányzati szervek (government). (Các cơ quan chính phủ (government).)
18.	Németország. (Đức.)
19.	Minden számítógép külön vonalon csatlakozik egy központi eszközhöz. (Mỗi máy tính kết nối qua một đường dây riêng biệt tới một thiết bị trung tâm.)

20. Nonprofit szervezetek (organizations).
(Các tổ chức phi lợi nhuận (organizations).)

Ne feledd! / Hãy nhớ!

A hálózati ismeretek segítenek megérteni, hogyan kapcsolódunk a világhoz.

Kiến thức về mạng giúp chúng ta hiểu cách chúng ta kết nối với thế giới.